

Bản án số: 113/2023/DS-PT

Ngày: 27 - 3 - 2023

V/v tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sỹ Danh Đạt.

- Các Thẩm phán: Ông Trần Trung Thành;
Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Ngọc Lê Ánh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Vũ Thị Thu Hằng – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 27 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 451/2022/TLPT-DS ngày 29/12/2022 về Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 75/2022/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố S bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 101/2023/QĐ-PT ngày 20 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Nguyễn Hồng C (Hạnh), sinh năm 1969;

Địa chỉ: Số nhà 530A, ấp Phú Thành, xã Tân Phú Đông, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

- **Bị đơn:**

1. Phạm Văn Ú, sinh năm 1979;

2. Phan Thị Thu G, sinh năm 1980;

Cùng địa chỉ: Số nhà 271, ấp Phú Thành, xã Tân Phú Đông, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Ú, chị G: Anh Cao Minh Trí, sinh năm 1970. Địa chỉ: Số nhà 273, khóm Sa Nhiên, phường Tân Quy Đông, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 27/01/2021).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ủy ban nhân dân thành phố S.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Thanh S, chức vụ: Phó Chủ tịch. Địa chỉ: Số 530A, đường Nguyễn Sinh Sắc, Khóm 5, Phường 1, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 15/6/2022, xin vắng mặt).

- Người kháng cáo: Bà Nguyễn Hồng C là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Hồng C trình bày:

Nguồn gốc thửa đất tranh chấp cụ thể như sau:

+ Năm 1975, mẹ ruột của bà là bà Phan Thị Trăm có nhận chuyển nhượng từ ông Lê Văn Phảnh (Hiện đã chết, không còn giấy tờ) một phần đất có diện tích 1.919m². Đến năm 1999 thì bà Trăm đi kê khai đăng ký và được UBND thị xã S (Nay là thành phố S) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Phan Thị Trăm vào ngày 07/8/2000 với diện tích 1.919m², gồm thửa 499a, tờ bản đồ số 2a, diện tích 1.619m² loại đất LN và thửa 499b, tờ bản đồ số 2a, diện tích 300m² loại đất T.

+ Đến năm 2003, bà Trăm xin cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thành 02 thửa mới gồm: Thửa 21, tờ bản đồ số 40, diện tích 740m² (300m² đất T và 440m² đất vườn) và thửa 25, tờ bản đồ số 40, diện tích 927m² đất LN vào ngày 09/7/2004. Tổng diện tích giảm đi 251,4m² nhưng hiện trạng sử dụng vẫn không thay đổi.

+ Năm 2008, bà Trăm xin hợp thửa 21 và 25 lại thành một thửa và được UBND thị xã S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thành thửa 231, tờ bản đồ số 40, diện tích 1.667,6m² (300m² đất ở, 1.367m² đất trồng cây lâu năm) vào ngày 08/4/2008. Khi làm thủ tục cấp giấy thửa 231 thì có tiến hành đo đạc.

+ Ngày 01/7/2008, bà Trăm tặng cho bà 674,5m² đất thuộc một phần diện tích thửa 231, tờ bản đồ số 40, đến ngày 22/7/2008 thì bà được Ủy ban nhân dân thị xã S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 233, tờ bản đồ số 40, diện tích 674,5m² (110m² đất ở, 564.5m² đất trồng cây lâu năm), tại ấp Phú Thành, xã Tân Phú Đông, thành phố S. Khi cấp giấy cho bà có tiến hành đo đạc thực tế và có chủ đất giáp ranh là ông Phạm Hữu Lầu (Anh ruột của anh Phạm Văn Út) và bà Trần Kim Phượng (Vợ ông Lầu) ký tên trong biên bản.

Trên thực tế, khi cấp đổi giấy chứng nhận vào năm 2008 giữa gia đình bà và gia đình anh Út, chị G có tiến hành đo đạc, cắm 2 trụ đá để xác định ranh đất, đầu ngoài 1 trụ, đầu trong 1 trụ hiện nay không còn.

Phần đất tranh chấp có diện tích đo đạc thực tế 278,1m² (thể hiện tại vị trí Hình 2 trong sơ đồ đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S) do gia đình bà Trăm quản lý sử dụng từ năm 1975. Đến năm 2008 thì giao cho bà quản lý sử dụng. Đầu năm 2020 bà làm hàng rào lưới B40 thì vợ chồng anh Phạm Văn Ú, chị Phan Thị Thu G cho rằng phần đất tranh chấp tại vị trí Hình 2 đã được cấp giấy chứng nhận cho anh Ú thửa 256, tờ bản đồ số 40 nên ngăn cản không cho bà C sử dụng.

Vì vậy, bà yêu cầu xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa 233 của bà với thửa 256 của anh Ú là các đoạn thẳng nối liền các mốc M7 - M7B - M7A. Bà sẽ tự di dời các tài sản của mình nếu có lấn qua phần ranh giới chung giữa hai thửa và không yêu cầu hỗ trợ chi phí gì.

Ngoài ra, bà C còn xác định khi quản lý sử dụng phần đất tranh chấp có lên vườn, chi phí bơm cát và thuê kobe khoảng 15.000.000 đồng, nhưng bà C không nhớ rõ thời gian cũng như không có giấy tờ chứng minh số tiền san lấp nên bà C không có yêu cầu tranh chấp gì trong vụ án này.

- Bị đơn anh Phạm Văn Ú và chị Phan Thị Thu G trình bày:

Anh, chị xác định phần đất tranh chấp có diện tích đo đạc thực tế 278,1m² (Thể hiện tại vị trí Hình 2 trong sơ đồ đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S) thuộc thửa 256, tờ bản đồ số 40, diện tích 1.194,2m² được UBND thị xã S cấp giấy chứng nhận cho anh Phạm Văn Ú vào ngày 01/8/2012.

Về nguồn gốc thửa 256, tờ bản đồ số 40 là của cha ruột anh Ú là Phạm Văn Ba chuyển quyền sử dụng cho anh Ú theo hợp đồng tặng cho quyền sử

dụng đất ngày 25/10/2011.

Giáp ranh với thửa 256 là thửa 233, tờ bản đồ số 40 của bà Nguyễn Hồng C đứng tên. Trước khi bà C được mẹ là Phan Thị Trăm tặng cho phần đất này thì giữa ông Ba và bà Trăm xác ranh giữa 02 thửa là con mương để dẫn nước vào đất lúa của gia đình ông Ba ở phía sau. Hai bên thống nhất con mương thuộc về quyền sử dụng của ông Ba và ông Ba cũng đồng ý cho bà Trăm sử dụng nhờ con mương.

Cuối năm 2019 thì bà C cố tình san lấp con mương, lấn chiếm để trồng hoa kiểng và kéo lưới B40 lấn chiếm đất. Anh, chị nhiều lần ngăn cản nhưng bà C vẫn cố tình lấn chiếm.

Trên phần đất tranh chấp có hàng rào B40 và các cây mai vàng là các tài sản của bà C, nên anh chị không tranh chấp gì đối với các tài sản này.

Đối với yêu cầu xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa 233 và thửa 256 là các đoạn thẳng nối từ mốc M7 - M7B - M7A theo bà C thì anh, chị không đồng ý. Anh, chị xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa 233 của bà C và thửa 256 của anh Ú là đoạn thẳng nối từ mốc M3A - M3B - M3C - M6A.

Đối với yêu cầu phản tố yêu cầu bà C di dời hàng rào B40 và các cây mai vàng ra khỏi phần đất tranh chấp thì anh, chị có đơn xin rút lại toàn bộ yêu cầu phản tố, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: UBND thành phố S có văn bản ý kiến:

1. UBND thị xã S(nay là thành phố Sa Đéc) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 256, tờ bản đồ số 40 cho ông Phạm Văn Út ngày 01/8/2012 trên cơ sở: Đơn xin tách thửa đất, hợp thửa đất ngày 25/10/2011 của ông Phạm Văn Út được Phòng Tài nguyên và môi trường thị xã S xác nhận đủ điều kiện hợp thửa ngày 20/7/2012; Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 25/10/2011 giữa ông Phạm Văn Ba và ông Phạm Văn Út được phòng công chứng số 2 tỉnh Đồng Tháp công chứng số 775, quyền số 02 TP/CC-SCC/HĐGD và các quy định pháp luật tại thời điểm cấp giấy chứng nhận. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có tiến hành đo đạc thực tế. Về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận cho anh Ú là đúng theo quy định pháp luật tại thời điểm cấp.

Vị trí thửa 256, tờ bản đồ số 40 mà anh Ú xác định có diện tích 1.155,7m² không đúng với diện tích được cấp giấy chứng nhận cho anh Ú.

2. UBND thị xã S(nay là thành phố Sa Đéc) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 233, tờ bản đồ số 40 cho bà Nguyễn Hồng C ngày 22/7/2008 trên cơ sở: Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 01/7/2008 giữa bà Phan Thị Trăm và bà Nguyễn Hồng C được UBND xã Tân Phú Đông chứng thực số 688, quyền số 03 TP/CC- SCT/HĐGD; Văn bản thỏa thuận về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 17/4/2008 được UBND xã Tân Phú Đông chứng thực số 50, quyền số 01 TP/CC- SCT/CK và các quy định pháp luật tại thời điểm cấp giấy chứng nhận.

Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có tiến hành đo đạc thực tế tại Biên bản xác định ranh giới, mốc giới đất của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thị xã Sa Đéc.

Về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận cho bà C là đúng theo quy định pháp luật tại thời điểm cấp.

Vị trí thửa 233, tờ bản đồ số 40 mà bà C xác định có diện tích 571,8m² không đúng với diện tích được cấp giấy chứng nhận cho bà C.

Theo sơ đồ đo đạc ngày 22/4/2021 của Chi nhánh Văn Phòng đăng ký Đất đai thành phố Sa Đéc, phần đất thể hiện tại Hình 2 có diện tích 278,4m², thuộc một phần thửa đất số 233, tờ bản đồ số 40 của bà Nguyễn Hồng C và một phần thửa đất số 256, tờ bản đồ số 40 của ông Phạm Văn Út.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 75/2022/DS-ST ngày 24/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố S đã xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Hồng C.

Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa 233, tờ bản đồ số 40, diện tích 674,5m² (110m² đất ở, 564.5m² đất trồng cây lâu năm) do bà Nguyễn Hồng C đứng tên quyền sử dụng đất và thửa 256, tờ bản đồ số 40, diện tích 1.194,2m² (Đất ở nông thôn: 608,3m², đất trồng cây lâu năm: 387,7m², đất trồng lúa: 198,2m²) do ông Phạm Văn Ú đứng tên quyền sử dụng đất, cùng tọa lạc tại ấp Phú Long, xã Tân Phú Đông, thành phố S như sau:

Từ mốc M3A kéo thẳng về hướng M3B, rồi từ mốc M3B kéo thẳng về hướng mốc M3C, sau đó từ mốc M3C kéo thẳng về mốc M6A tạo thành đường nối M3A- M3B - M3C - M6A là ranh chung giữa thửa 233 và thửa 256.

Ranh đất được xác định theo chiều thẳng đứng từ không gian xuống lòng đất. Tài sản của bên nào lấn chiếm ranh đất phải tháo dỡ di dời theo quy định của pháp luật.

(Có biên bản xem xét thẩm định ngày 22/4/2021 và sơ đồ đo đạc ngày 19/9/2022 kèm theo).

Đình chỉ yêu cầu phản tố của anh Phạm Văn Út, chị Phan Thị Thu G.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác, quyền và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/10/2022 bà Nguyễn Hồng C làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xác định ranh giới quyền sử dụng đất của bà và anh Út là đoạn thẳng nối từ mốc M1 – M7 theo sơ đồ đo đạc ngày 19/9/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố sa Đéc.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của mình, không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự có mặt tại phiên tòa đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà C xác định khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2008 thì giữa bà và gia đình anh Ú có tiến hành cắm 02 trụ đá để xác định ranh đất và có vợ chồng ông Phạm Hữu Lầu, bà Trần Kim Phượng ký tên vào biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất. Nhưng trong quá trình sử dụng 2 trụ đá không còn. Phần đất có diện tích 278,1m² thể hiện tại hình 2 là thuộc quyền sử dụng của bà. Do anh Ú và chị G tranh chấp ngăn cản nên bà yêu cầu xác định ranh giới giữa thửa đất của bà và anh Ú là đoạn thẳng nối từ mốc M1 – M7 là không phù hợp. Bởi vì, phía anh Ú, chị G không thừa nhận có việc cắm 02 trụ đá để xác định ranh như bà C trình bày. Đồng thời, bà C cũng thừa nhận là 02 trụ đá hiện nay không còn nữa, nên không có gì chứng minh có việc cắm 02 trụ đá để xác định ranh của hai bên. Mặt khác, trong biên bản xác định ranh mốc giới năm 2008 có ông Lầu, bà Phượng ký tên nhưng không có đất của ông Lầu, bà Phượng giáp ranh. Hồ sơ cấp đất cho bà C cũng không có trích lục tổng thể để thể hiện vị trí đất của ông Lầu, bà Phượng tiếp giáp với đất bà C, nên không có căn cứ xác định đất của bà C tiếp giáp với đất của ông Lầu, bà Phượng.

[2] Anh Ú xác định ranh đất giữa 2 bên kể từ trước khi ông Ba và bà Trăm tặng cho lại anh Ú và bà C là con mương để dẫn nước vào phần đất ruộng của gia đình anh Ú ở phía sau. Sau này bà C tiến hành san lấp nên con mương không còn, bà C cũng thừa nhận là có tiến hành san lấp trên phần đất tranh chấp. Khi tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc thì diện tích thửa 233 của bà C và thửa 256 của anh Ú đều thiếu so với giấy chứng nhận. Tuy nhiên, theo Công văn số 65/UBND-NC ngày 06/6/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố S xác định thì phần đất đo đạc thực tế mà bà C, anh Ú xác định là không đúng với vị trí được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và phần đất tranh chấp theo sơ đồ đo đạc ngày 22/4/2021 có diện tích 278,4m², thuộc một phần thửa đất số 233, tờ bản đồ số 40 của bà Nguyễn Hồng C và một phần thửa đất số 256, tờ bản đồ số 40 của ông Phạm Văn Út. Đồng thời, theo Sơ đồ đo đạc ngày 19/9/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S cũng thể hiện các đương sự đã xác định vị trí đất thực tế không trùng khớp với vị trí được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, việc diện tích thửa 233 và thửa 256 bị thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do các đương sự xác định không đúng vị trí được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại Công văn số 130/UBND-NC ngày 22/9/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố S xác định: “Theo sơ đồ đo đạc ngày 19/9/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S, phần đất thể hiện tại Hình 2 có diện tích

112,3m² (Hình 2B) thuộc thửa 233, tờ bản đồ số 40 của bà Nguyễn Hồng C và diện tích 165,5m² (Hình 2A); diện tích 0,3m² (Hình 2C) thuộc thửa 256, tờ bản đồ số 40 của ông Phạm Văn Ú”

Từ những căn cứ trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa 233 của bà C và thửa 256 của anh Ú theo vị trí mà Ủy ban nhân dân thành phố S đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đương sự theo các đoạn thẳng nối liền các mốc M3A – M3B – M3C – M6A là có căn cứ.

Việc bà C kháng cáo xác định toàn bộ phần đất thể hiện tại hình 2 có diện tích 278,1m² thuộc thửa 233, tờ bản đồ số 40 là của bà và yêu cầu xác định ranh giới với thửa 256 của anh Ú là đoạn thẳng nối liền từ mốc M1 – M7 là không có căn cứ.

[3] Xét ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà C, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bà C phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Phần của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 147, Điều 148, Điều 91, Điều 157, Điều 165, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 100, Điều 166, Điều 170, Điều 203 Luật đất đai; Điều 175, Điều 176 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Hồng C.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 75/2022/DS-ST ngày 24/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Hồng C.

4. Ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa 233, tờ bản đồ số 40 do bà Nguyễn Hồng C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với thửa 256, tờ bản đồ số 40, do ông Phạm Văn Ú đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tại ấp Phú Long, xã Tân Phú Đông, thành phố S là các đoạn thẳng nối liền các mốc M3A – M3B – M3C – M6A.

Ranh đất được xác định theo chiều thẳng đứng từ không gian đến lòng đất. Tài sản của bên nào lấn chiếm ranh đất phải được di dời theo quy định của pháp luật.

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22/4/2021 và sơ đồ đo đạc ngày 19/9/2022 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Sa Đéc).

Các đương sự được đến Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kê khai đăng ký điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

5. Đình chỉ yêu cầu phản tố của anh Phạm Văn Ú, chị Phan Thị Thu G.

6. Về án phí:

+ Bà Nguyễn Hồng C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm và được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0001065 ngày 10/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S.

+ Bà Nguyễn Hồng C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0008613 ngày 05/01/2021 và 13.720.000 đồng theo biên lai số 0000954 ngày 23/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S. Bà C được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 13.720.000 đồng.

+ Anh Phạm Văn Ú, chị Phan Thị Thu G liên đới chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0008728 ngày 15/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S.

7. Về chi phí tố tụng khác:

+ Bà Nguyễn Hồng C phải chịu 3.018.500 đồng.

+ Anh Phạm Văn Ú và chị Phan Thị Thu G liên đới chịu 3.018.500 đồng. Do bà Nguyễn Hồng C đã nộp tạm ứng trước nên anh Ú, chị G có nghĩa vụ liên đới nộp 3.018.500 đồng để trả lại cho bà C.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi Nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND thành phố Sa Đéc;
- CCTHADS thành phố Sa Đéc;
- Phòng KTNV- THA TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VT (N).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Sỹ Danh Đạt